

A. MẪU BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

UBND HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG TIỂU HỌC
TÂN THANH ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM NĂM 2022⁽¹⁾
(Ngày 24 tháng 11 năm 2022)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Trương Thị Thanh Ngày tháng năm sinh: 21/06/1970
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Tiểu học Tân Thanh Đông
- Nơi thường trú: Tổ 2, ấp 6A, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi. Tp. HCM
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 079170009257 ngày cấp 18/06/2018 Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Nguyễn Hoàng Giang Ngày tháng năm sinh: 25/08/1973
- Nghề nghiệp: Buôn bán
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Tân Phước Khánh, Tân Uyên, Bình Dương
- Nơi thường trú: Tân Phước Khánh, Tân Uyên, Bình Dương.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 074073001273 ngày cấp 25/04/2021 nơi cấp Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật) không

3.1. Con thứ nhất: Không

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp..... nơi cấp

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất: Không

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Không

Chữ ký người kê khai:.....

- Diện tích⁽⁹⁾: Không

- Giá trị⁽¹⁰⁾: Không

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Không

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Không

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): kê khai tương tự như thừa thứ nhất. Không

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: Không

1.2.1. Thừa thứ nhất: Không

- Loại đất: Không Địa chỉ: Không

- Diện tích: Không

- Giá trị⁽¹⁰⁾: Không.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Không

- Thông tin khác (nếu có): Không

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): kê khai tương tự như thừa thứ nhất. Không

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất: Sống chung với mẹ, anh, em ruột (nhà của mẹ ruột)

- Địa chỉ: Tổ 2, ấp 6A, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi. Tp. HCM

- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà ở riêng lẻ - nhà cấp 4

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: Đất ở: 250m² Đất trồng cây lâu năm: 1.500.000m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 8.800.000.000 đồng

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: 263002/12/9/2000 –UBND huyện Củ Chi cấp – bà: Huỳnh Thị Bầu.

- Thông tin khác (nếu có): Không

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): kê khai tương tự như nhà thứ nhất. Không

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: Không

2.2.1. Công trình thứ nhất: Không

- Tên công trình: Không Địa chỉ: Không

- Loại công trình: Không Cấp công trình: Không

- Diện tích: Không

- Giá trị⁽¹⁰⁾: Không

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Không

- Thông tin khác (nếu có): Không

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): kê khai tương tự như công trình thứ nhất. Không

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: Không

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: Không

- Loại cây: Không Số lượng: Không

Giá trị⁽¹⁰⁾: Không

Chữ ký người kê khai:.....





- Loại cây: Không Số lượng: Không Giá trị⁽¹⁰⁾: Không

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: Không

- Loại rừng: Không Diện tích: Không Giá trị⁽¹⁰⁾: Không

- Loại rừng: Không Diện tích: Không Giá trị⁽¹⁰⁾: Không

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: Không

- Tên gọi: Không Số lượng: Không Giá trị⁽¹⁰⁾: Không

- Tên gọi: Không Số lượng: Không Giá trị⁽¹⁰⁾: Không

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾. Không

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾. Không

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không

6.1. Cổ phiếu: Không

- Tên cổ phiếu: Không Số lượng: Không Giá trị: Không

- Tên cổ phiếu: Không Số lượng: Không Giá trị: Không

6.2. Trái phiếu: Không

- Tên trái phiếu: Không Số lượng: Không Giá trị: Không

- Tên trái phiếu: Không Số lượng: Không Giá trị: Không

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: Không

- Hình thức góp vốn: Không Giá trị: Không

- Hình thức góp vốn: Không Giá trị: Không

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: Không

- Tên giấy tờ có giá: Không. Giá trị: Không

- Tên giấy tờ có giá: Không Giá trị: Không

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản: Không Số đăng ký: Không Giá trị: Không

- Tên tài sản: Không Số đăng ký: Không Giá trị: Không

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: Không

- Tên tài sản: Không Năm bắt đầu sở hữu: Không Giá trị: Không

- Tên tài sản: Không. Năm bắt đầu sở hữu: Không Giá trị: Không

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: Không

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không

Chữ ký người kê khai:.....

- Tên chủ tài khoản: Không , số tài khoản: Không.
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: Không
- 10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 254.000.000 đồng (từ 22/11/2021 đến 24/11/2022)
- Tổng thu nhập của người kê khai: 204.000.000 đồng
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 50.000.000 đồng
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không
- Tổng các khoản thu nhập chung: Không

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở	Không có biến động		
1.2. Các loại đất khác	Không có biến động		
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở	Không có biến động		
2.2. Công trình xây dựng khác	Không có biến động		
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất	Không có biến động		
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất	Không có biến động		
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên	Không có biến động		
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.	Không có biến động		
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà	Không có biến động		

Chữ ký người kê khai:.....

tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):			
6.1. Cổ phiếu	Không có biến động		
6.2. Trái phiếu	Không có biến động		
6.3. Vốn góp	Không có biến động		
6.4. Các loại giấy tờ có giá khác	Không có biến động		
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:	Không có biến động		
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).	Không có biến động		
7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).	Không có biến động		
8. Tài sản ở nước ngoài.	Không có biến động		
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .	Không có biến động	+254.000.00 0 đồng	Tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương, NQ03

Cư' Chi... ngày 29 tháng 11 năm 2022
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)


 Trần Thị Mỹ Cười
 (chuyên viên)

TP Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 11 năm 2022
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)


Trương Thị Thanh

